

HƯỚNG DẪN
CHUẨN BỊ BỘ HỒ SƠ
MUA VỐN GÓP, CỔ PHẦN
TẠI DOANH NGHIỆP
VIỆT NAM

NỘI DUNG

- 01 **Đối tượng**
- 02 **Những thông tin cần thu thập**
- 03 **Ngành nghề**
- 04 **Địa điểm**
- 05 **Danh mục hồ sơ**
- 06 **Thời hạn và cách thức nộp hồ sơ**





1. ĐỐI TƯỢNG

- Nhà đầu tư nước ngoài theo khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư 2020, bao gồm:
 - + Cá nhân nước ngoài
 - + Tổ chức nước ngoài
- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư 2020

1.1. Cá nhân nước ngoài



Quốc tịch

Quốc tịch nước ngoài



Tuổi

người đã thành niên
(từ 18 tuổi trở) lên



Năng lực hành vi dân sự

đầy đủ năng lực
hành vi dân sự



Không bị truy cứu TNHS, chịu hình phạt

Không bị truy cứu TNHS, bị
tạm giam, đang chấp hành
hình phạt tù, đang chấp
hành biện pháp xử lý hành
chính hoặc đang bị Tòa án
cấm đảm nhiệm chức vụ,
cấm hành nghề hoặc làm
công việc nhất định



Nghề nghiệp

không là cán bộ, công
chức, viên chức, sĩ
quan, hạ sĩ quan, quân
nhân, cán bộ lãnh đạo,
quản lý nghiệp vụ
trong doanh nghiệp
nhà nước,...

1.2. Tổ chức nước ngoài

- Tổ chức 100% vốn nước ngoài
- Thành lập theo pháp luật nước ngoài
- Có năng lực pháp luật dân sự
- Không bị cấm kinh doanh trong 1 số lĩnh vực nhất định



1.3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

-Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;
- b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
- c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.



Khi nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật như:

- Đáp ứng **điều kiện tiếp cận thị trường** đối với nhà đầu tư nước ngoài
- Bảo đảm **quốc phòng, an ninh**
- **Quy định của pháp luật về đất đai** về điều kiện nhận quyền sử dụng đất, điều kiện sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới, xã, phường, thị trấn ven biển.



NVESTO

- Hình thức góp vốn:

- a) Mua cổ phần phát hành lần đầu hoặc cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần;
- b) Góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;
- c) Góp vốn vào tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

- Hình thức mua cổ phần, mua phần vốn góp:

- a) Mua cổ phần của công ty cổ phần từ công ty hoặc cổ đông;
- b) Mua phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn để trở thành thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn;
- c) Mua phần vốn góp của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh để trở thành thành viên góp vốn của công ty hợp danh;
- d) Mua phần vốn góp của thành viên tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này.



2. NHỮNG THÔNG TIN CẦN THU THẬP TỪ KHÁCH HÀNG

Thông tin về nhà đầu tư

1

Tên, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý, địa chỉ, điện thoại

2

Thông tin về người đại diện theo pháp luật nếu nhà đầu tư là tổ chức

3

Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự định mua

4

Giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp

- Tên doanh nghiệp
- Mã số doanh nghiệp
- Loại hình doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, thư điện tử (nếu có)
- Thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh (nếu có)
- Ngành, nghề kinh doanh
- Vốn điều lệ
- Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế
- Thông tin chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

**THÔNG TIN VỀ
TỔ CHỨC KINH TẾ
DỰ KIẾN GÓP VỐN**



Thông tin về tổ chức kinh tế sau khi nhận vốn góp/cổ phần/phần vốn góp

- Tên doanh nghiệp
- Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
- Ngành nghề kinh doanh, ghi mã CPC đối với các ngành nghề có điều kiện áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài
- Thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có)
- Giải trình việc đáp ứng các điều kiện về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

3. NGÀNH NGHỀ



-Đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường

- Đối với ngành, nghề **chưa được tiếp cận thị trường**, nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện đầu tư kinh doanh (Ví dụ: đánh bắt hoặc khai thác hải sản)
- Đối với ngành, nghề **tiếp cận thị trường có điều kiện** (ví dụ: dịch vụ quảng cáo, dịch vụ giáo dục), nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện đầu tư kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện về:

-Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế;

-Hình thức đầu tư;

-Phạm vi hoạt động đầu tư;

-Năng lực của nhà đầu tư; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư;

-Điều kiện khác theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. NGÀNH NGHỀ

-Đáp ứng điều kiện kinh doanh

- Trong trường hợp sau khi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp mà Nhà đầu tư muốn **bổ sung thêm ngành nghề** cho tổ chức kinh tế, ngoài điều kiện tiếp cận thị trường, nhà đầu tư cũng cần lưu ý rằng, một số ngành nghề có yêu cầu phải có thêm giấy phép riêng biệt của cơ quan quản lý chuyên môn trước khi hoạt động kinh doanh trên thực tế
- Nhà đầu tư nước ngoài có thể thực hiện đầu tư kinh doanh khi có một trong những hình thức sau:

-Giấy phép;

-Giấy chứng nhận;

-Chứng chỉ;

-Văn bản xác nhận, chấp thuận;

- Các yêu cầu khác mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.



- Đối với đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng quy định của pháp luật về đất đai về điều kiện nhận quyền sử dụng đất, điều kiện sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới, xã, phường, thị trấn ven biển theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư 2020.
- Theo đó, trong trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đảo, xã, phường, thị trấn biên giới, xã, phường, thị trấn ven biển ảnh hưởng an ninh quốc phòng thì cần kê khai để lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng khi thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.
- Trường hợp không nằm trên các khu vực trên thì soạn thảo văn bản cam kết về việc không có có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở các khu vực ảnh hưởng an ninh quốc phòng để cơ quan có thẩm quyền xem xét.

4. ĐỊA ĐIỂM





5. DANH MỤC HỒ SƠ

5.1. Hồ sơ góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp

- Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp
- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;
- Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó;
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp

5.2. Hồ sơ thay đổi loại hình doanh nghiệp, thay đổi chủ sở hữu công ty

5.2.1 Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp
- Điều lệ công ty
- Danh sách thành viên
- Bản sao các giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật
- Bản sao các giấy tờ pháp lý của thành viên
- Hợp đồng chuyển nhượng và giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng
- Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

5.2.2 Hồ sơ đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH MTV

- Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức
- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.
- Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty
- Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp
- Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.



6. THỜI GIAN VÀ CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

6.1 Nộp hồ sơ góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp

Nhà đầu tư nước ngoài thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư 2020 thì trước khi thay đổi thành viên, cổ đông phải thực hiện **thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế**.

Trường hợp: *không có GCNQSDĐ tại khu vực ảnh hưởng an ninh, quốc phòng* (điểm a, b khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư 2020)

Bước 1: Tổ chức kinh tế nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

Bước 2: Trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và thông báo cho nhà đầu tư.

Bước 3: Sau khi nhà đầu tư nước ngoài được chấp thuận, tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông tại Phòng đăng ký kinh doanh.

Trường hợp: **có GCNQSDĐ tại khu vực ảnh hưởng an ninh, quốc phòng** (điểm c khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư 2020)

Bước 1: Tổ chức kinh tế nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

Bước 2: Trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư **lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an** về việc đáp ứng các điều kiện.

Bước 3: Trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện.

Bước 4: Trong thời hạn **15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ**, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và căn cứ ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để thông báo cho nhà đầu tư.

Bước 5: Sau khi nhà đầu tư nước ngoài được chấp thuận, tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông tại Phòng đăng ký kinh doanh.



6.2 Nộp hồ sơ thay đổi loại hình doanh nghiệp, thay đổi chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty

6.2.1 Thay đổi loại hình doanh nghiệp

Bước 1: Công ty đăng ký chuyển đổi công ty với Phòng đăng ký kinh doanh trong thời hạn:

- 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi (đối với chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên).
- 15 ngày kể từ ngày công ty chỉ còn lại một cổ đông hoặc hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần (đối với chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Phòng đăng ký kinh doanh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.



6.2.2. Thay đổi chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty

Bước 1: Thông báo thay đổi thành viên, cổ đông với Phòng đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn **10 ngày kể từ ngày có thay đổi**.

Bước 2: Trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được thông báo, Phòng đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp.

Bước 3: Thông báo công khai những thay đổi trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.





THANK YOU!

CÔNG TY LUẬT TNHH CDLAF



028 3636 5486 - 0909 668 216



www.cdlaf.vn



info@cdalf.vn



7 th Floor Phuong Tower, 46-48 Hai Ba Trung
St., Ben Nghe ward, District 1, HCMC